

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Phương

Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 172/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Phương T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh A. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện G, tỉnh A. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phương T: Bà Võ Thị Phương T yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh P; về con chung, có hai con chung tên là Lê Trung K, sinh ngày 08/02/2005 và Lê Đăng K1, sinh ngày 27/12/2012. Bà T đồng ý giao hai con chung cho ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà T không yêu cầu giải quyết; về án phí, bà T đồng ý chịu toàn bộ án phí.

Yêu cầu, đề nghị của ông Lê Thanh P: Ông P không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T vì còn thương vợ, thương con. Nếu ly hôn ông P đồng ý nuôi hai con chung tên là Lê Trung K, sinh ngày 08/02/2005 và Lê Đăng K1, sinh ngày 27/12/2012, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung ông P không yêu cầu.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Võ Thị Phương T cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà T (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 giấy khai sinh (bản sao), bản tự khai, đơn xác nhận cư trú.

Chứng cứ do ông Lê Thanh P cung cấp: Giấy chứng minh của ông P (bản sao).

Các tình tiết của vụ án:

Bà T trình bày: Bà T và ông P đến với nhau do mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh A vào năm 2004. Quá trình vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian trước khi sinh con trai đầu long. Mâu thuẫn phát sinh là do vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm. Mặt khác, ông P còn đánh vợ. Hiện nay, vợ chồng thường xuyên cãi cãi. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông P xin ly hôn. Bà T yêu cầu không công bố bản án trên cổng thông tin điện tử của tòa án.

Ông P trình bày: Quá trình chung sống, kết hôn bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên mâu thuẫn không đến mức trầm trọng dẫn đến vợ chồng phải ly hôn nên ông P không đồng ý ly hôn, mặc khác ông còn thương vợ nên mong muốn bà T suy nghĩ lại.

Các tình tiết bà T, ông P trình bày thống nhất: Về quan hệ hôn nhân bà T và ông P đến với nhau do mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh A vào năm 2004, về con chung, có hai con chung tên là Lê Trung K, sinh ngày 08/02/2005 và Lê Đăng K1, sinh ngày 27/12/2012. Nếu ly hôn bà T và ông P thống nhất giao hai con chung cho ông P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung bà T và ông P thống nhất không yêu cầu.

Các tình tiết bà T, ông P trình bày không thống nhất: Bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông P không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Lê Thanh P: Ông Lê Thanh P vắng mặt không có lý do đủ đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông Anh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phương T và ông Lê Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An vào năm 2004 đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà T yêu cầu ly hôn với ông P do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, ông P không đồng ý ly hôn với bà T. Mặc dù, ông P trình bày còn thương vợ nhưng ông P không có động thái tích cực hàn gắn tình cảm, thời gian này hai bên mặc dù ở chung nhà, nhưng không ai nói chuyện với nhau, không còn chăm sóc lẫn nhau, bà T cương quyết xin ly hôn và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Phương T là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Phương T đối với ông Lê Thanh P.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà T và ông P thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cho ông Lê Thanh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Lê Trung K, sinh ngày 08/02/2005 và Lê Đăng K1, sinh ngày 27/12/2012. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Võ Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Phương T được ly hôn với ông Lê Thanh P.

2. Về con chung: Giao cho ông Lê Thanh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Lê Trung K, sinh ngày 08/02/2005 và Lê Đăng K, sinh ngày 27/12/2012. Bà Võ Thị Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0013184 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh A;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo